

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 498/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Gia Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1327/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2021/QĐHPT-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Vân, sinh năm: 1975, địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2.Bị đơn: Ông Lê Hoàng G, sinh năm: 1973, địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn: Bà Vtrình bày: Bà và ông G sống chung với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Bình Dương. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Bà không còn tình cảm nên không thể tiếp tục sống chung với ông G. Bà đã suy nghĩ kỹ vì đây là lần thứ hai bà nộp đơn ly hôn nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà ly hôn với ông G.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Hoàng Gia H, sinh ngày: 05/3/2002 (Đã trưởng thành) và Lê Gia K, sinh ngày: 19/4/2010 do bà trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2021, trẻ Lê Gia K trình bày: Có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông G, trực tiếp nuôi con chung tên Lê Gia K, sinh ngày: 19/4/2010 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Hội đồng xét xử, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Do ông G thường xuyên vắng mặt, việc tổng đạt trực tiếp không thể thực hiện được nên Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt ông G theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể như sau: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; tổng đạt cho các đương sự đúng quy định pháp luật; tiến hành phiên hòa giải đúng quy định tại Điều 208; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203; quyết định đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Do đương sự: Ông G vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2]. Xét yêu cầu của các đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V thấy rằng. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số: 42 ngày 20/12/1999 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Bình Dương thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu V và ông Lê Hoàng G là hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 07/12/2020 của Hội liên hiệp phụ nữ Phường 12, quận Gò Vấp thì bà V và ông G có mâu thuẫn vợ chồng.

Bà V và ông G sống chung với nhau từ năm 1999 nhưng do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Bà V đã nhiều lần nộp đơn ly hôn vì mâu thuẫn giữa bà V và ông G đã tồn tại từ lâu, việc cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được chỉ tồn tại về mặt pháp lý, không còn tồn tại trên thực tế, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Hơn nữa, mặc dù ông G đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng hoàn toàn không có ý kiến gì đối với việc bà V yêu cầu ly hôn cho thấy ông G không còn quan tâm đến việc duy trì quan hệ vợ chồng với bà V nên khả năng đoàn tụ gia đình là không có.

Về con chung: Căn cứ vào trích lục khai sinh số: 31 ngày 22/3/2002 và số: 74 ngày 12/5/2010 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Bình Dương đã xác định được bà V và ông G có 02 con chung tên là Lê Hoàng Gia H, sinh ngày: 05/3/2002 (Đã trưởng thành) và Lê Gia K, sinh ngày: 19/4/2010.

Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con Lê Gia K, sinh ngày: 19/4/2010 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của bà V: Căn cứ bản tự khai ngày 25/3/2021 của trẻ G trình bày có nguyện vọng muốn sống chung với bà V nên Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao trẻ G cho bà V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là thỏa đáng và có cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật về Hôn nhân và Gia đình.

Do bà V không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông G cho đến khi bà V có yêu cầu.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về án phí Tòa án: Bà V phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu V được ly hôn ông Lê Hoàng G.

Giấy giấy chứng nhận kết hôn số: 42 ngày 20/12/1999 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Bình Dương hết hiệu lực.

Về con chung: Lê Hoàng Gia H, sinh ngày: 05/3/2002 (Đã trưởng thành). Bà V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Lê Gia K, sinh ngày: 19/4/2010. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông G cho đến khi bà V có yêu cầu.

Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí Tòa án: Bà V phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0027424 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà V đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN